

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phó.

2. Ông Nguyễn Bền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:**
Không tham gia.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 660/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Anh Âu Quốc Đ – sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu nhau, chuẩn bị tổ chức đám

cưới và đã đăng ký kết hôn ngày 03/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi anh chị đăng ký kết hôn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và hai bên không tổ chức đám cưới như dự định.

Nay chị và anh Đ không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai bị đơn anh Âu Quốc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh và chị T chưa chung sống vợ chồng và chưa tổ chức lễ cưới. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hợp nên chia tay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa: Chị T và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Chị T và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T và anh Đ chưa tổ chức lễ cưới thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ, phía bị đơn anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ thống nhất anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Kim T** đối với anh **Âu Quốc Đ.**

Chị **Nguyễn Thị Kim T** được ly hôn với anh **Âu Quốc Đ.**

2/ Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0010528 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị **T** đã thi hành xong.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **T** và bị đơn anh **Đ** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh